

Số: 21 /2025/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 94/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số 0209/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 208/BC-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 010088/UBND-ĐTKT ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường (bao gồm các dự án, đề án, chương trình bảo vệ môi trường nếu có) do ngân sách nhà nước bảo đảm.

2. Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường thuộc các nguồn kinh phí khác (như chi từ nguồn sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Điều 3. Một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

1. Chi phí lập nhiệm vụ, dự án: gồm chi phí lập đề cương nhiệm vụ, dự án; chi phí thu thập, khảo sát, lấy và gia công phân tích một số mẫu phục vụ lập đề cương (theo quy trình quy phạm kỹ thuật nếu có); phân tích tư liệu, kết quả khảo sát; lựa chọn giải pháp kỹ thuật, thiết kế phương án thi công, tính toán khối lượng công việc và lập dự toán kinh phí; họp hội đồng xét duyệt đề cương, xin ý kiến thẩm định, hoàn thiện cho đến khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Thực hiện theo mục 1 Phụ lục 01 Thông tư số 02/2017/TT-BTC hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC).

2. Một số mức chi khác:

DVT: ngàn đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Nhiệm vụ bảo vệ môi trường cấp tỉnh	Nhiệm vụ bảo vệ môi trường cấp xã	Ghi chú
1	Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)	Buổi họp			Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	500	400	
	Thành viên, thư ký	Người/buổi	300	240	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	120	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	500	400	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Nhiệm vụ bảo vệ môi trường cấp tỉnh	Nhiệm vụ bảo vệ môi trường cấp xã	Ghi chú
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	300	240	
2	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	500	400	Trường hợp không thành lập Hội đồng
3	Điều tra, khảo sát				
3.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500	400	
3.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin				
	Cá nhân	Phiếu	50	40	
	Tổ chức	Phiếu	100	80	
3.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 160% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	
3.4	Chi cho người dẫn đường	Người/ngày	100	80	Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên
3.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	Người/ngày	200	160	
4	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ	Báo cáo			

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Nhiệm vụ bảo vệ môi trường cấp tỉnh	Nhiệm vụ bảo vệ môi trường cấp xã	Ghi chú
	Nhiệm vụ		5.000	4.000	
	Dự án		15.000	12.000	
5	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo Quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)				
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	700	560	
	Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	Người/buổi	600	480	
	Ủy viên, thư ký hội đồng	Người/buổi	300	240	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	120	
	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	500	400	
	Bài nhận xét của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	300	240	
	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03)	Bài viết	400	320	
6	Hội thảo khoa học (nếu có)				
	Người chủ trì	Người/buổi	500	400	
	Thư ký hội thảo	Người/buổi	300	240	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	120	
	Báo cáo tham luận	Bài viết	350	280	
7	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ				

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Nhiệm vụ bảo vệ môi trường cấp tỉnh	Nhiệm vụ bảo vệ môi trường cấp xã	Ghi chú
7.1	Nghiệm thu nhiệm vụ				
	Chủ tịch hội đồng	Người/buổi	400	300	
	Thành viên, thư ký	Người/buổi	200	160	
7.2	Nghiệm thu dự án				
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	700	560	
	Thành viên, thư ký hội đồng	Người/buổi	400	320	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	500	400	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	400	320	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	120	
8	Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã			Mức chi hợp đồng lao động tối đa bằng 1,2 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định	
9	Chi giải thưởng môi trường	Giải			
9.1	Tổ chức				
	- Giải Nhất		10.000	8.000	
	- Giải Nhì		7.000	5.000	
	- Giải Ba		5.000	3.000	
	- Các giải còn lại		3.000	2.000	
9.2	Cá nhân				
	- Giải Nhất		6.000	4.000	
	- Giải Nhì		4.000	3.000	
	- Giải Ba		3.000	2.000	
	- Các giải còn lại		2.000	1.000	

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định pháp luật và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết này bãi bỏ Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành quy định một số nội dung và mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Viện KSND, TAND, cơ quan THADS tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Trung tâm Công nghệ và Cổng TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.

CHỦ TỊCH



Cao Thị Hòa An